

## KHẢO SÁT THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Anh Kiệt<sup>1,\*</sup>, Phạm Thị Thanh Trang<sup>1</sup>,  
Trần Quang Bình<sup>2</sup>, Trần Đình Quân<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM

<sup>2</sup>Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

\*Email: voanhkiet81@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/9/2018; Ngày chấp nhận đăng: 05/6/2019

### TÓM TẮT

Giáo dục môi trường là một trong những giải pháp quản lý góp phần bảo vệ môi trường (BVMT). Để công tác giáo dục môi trường cho học sinh, sinh viên mang lại hiệu quả cao thì việc xem xét và đánh giá thái độ môi trường của lứa tuổi này đối với các vấn đề môi trường là cần thiết để từ đó có cơ sở để đề xuất biện pháp cụ thể nhằm trang bị những kiến thức cơ bản cho họ trong việc BVMT. Nghiên cứu được thực hiện thông qua các phương pháp định tính, định lượng và được kiểm định bằng phần mềm ứng dụng SPSS 22.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến thái độ đối với các vấn đề môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Nhận thức về các vấn đề môi trường, nhận thức về trách nhiệm cá nhân, ý thức và hành vi môi trường, thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải, thái độ chung về các giải pháp môi trường. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất 5 hàm ý quản trị nhằm nâng cao thái độ môi trường đối với sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*Từ khóa:* Nhận thức, thái độ môi trường, sinh viên, đại học.

### 1. MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, những vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường, phòng ngừa, giảm thiểu và BVMT đang trở nên cấp thiết không chỉ ở Việt Nam mà cũng là vấn đề chung của toàn thế giới. Kinh tế ngày càng phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, song song với sự phát triển đó thì tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng có những diễn biến phức tạp.

TP. Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt với dân số sinh sống thực tế trên 10 triệu người, mỗi ngày phát sinh khoảng 9.000 tấn chất thải rắn sinh hoạt... gây nên nhiều sức ép về cơ sở hạ tầng, khiến tình trạng kẹt xe, ngập nước, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Trong những năm qua [1]. Công tác quản lý môi trường đụng chạm nhiều khía cạnh trong xã hội, trong đó có ý thức môi trường. Để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, ngoài những chương trình, chính sách cụ thể, nguồn ngân sách, cũng như kết hợp với công tác quản lý môi trường tại các doanh nghiệp, cải thiện hệ thống hạ tầng, thì giáo dục nâng cao thái độ môi trường của người dân mà nhất là học sinh và sinh viên là rất cần thiết.

Sinh viên là tầng lớp tri thức của xã hội hiện nay đang phải đối mặt với thách thức to lớn là sự thiếu hiểu biết về môi trường, thiếu những kỹ năng và kiến thức để ứng phó với biến đổi khí hậu. Đặc biệt, hiện nay một bộ phận sinh viên có những thói quen gây ảnh hưởng đến môi trường và biến đổi khí hậu. Nâng cao ý thức của người dân nói chung và học

sinh, sinh viên nói riêng về thái độ đối với các vấn đề môi trường là một việc làm rất cấp bách, cần phải thực hiện trong một thời gian dài, liên tục, ngay từ bây giờ và tốn kém nhiều công sức cũng như tiền của. Về lâu dài, BVMT nên bắt đầu bằng việc giáo dục ý thức BVMT, nhất là cho học sinh và sinh viên.

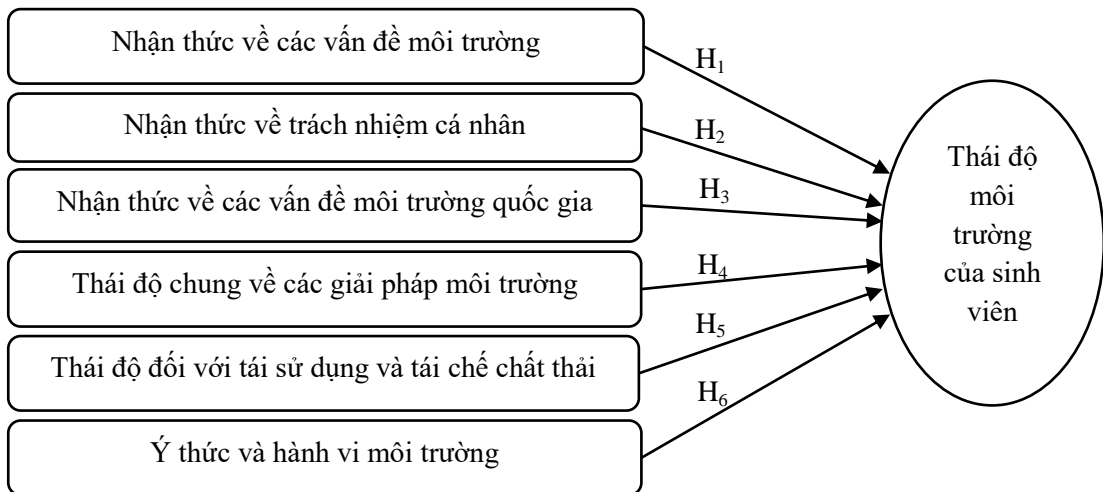
Vì thế, nghiên cứu thái độ ứng xử đối với các vấn đề môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện nhằm góp phần vào công tác BVMT, hạn chế những tác động tiêu cực đối với con người và các hệ sinh thái.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Theo Holahan (1982) miêu tả thái độ môi trường là “Cảm nhận tích cực hay tiêu cực của người dân đối với các vấn đề môi trường hoặc đối với các vấn đề liên quan đến môi trường” [2]. Zelezny & Schultz (2000) cho rằng: “Thái độ môi trường là mối quan tâm đến các vấn đề môi trường bắt nguồn từ quan điểm riêng của mỗi cá nhân và mức độ mà cá nhân đó nhận thức chính bản thân mình là một phần không tách rời của môi trường tự nhiên” [3].

Trên cơ sở tìm hiểu về lý thuyết, mô hình đo lường và các nghiên cứu về thái độ môi trường của các nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam, kết hợp với việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia và thảo luận nhóm, nhóm tác giả xin đề xuất mô hình nghiên cứu để đánh giá thái độ môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh dựa theo 3 mô hình nghiên cứu thái độ môi trường do các nhóm tác giả đã thực hiện: (1) Ilker Ugulu *et al.* (2013); (2) Nergiz Koruoglu *et al.* (2015), (3) Sibel Ozsoy (2012) bao gồm 6 nhân tố: Nhận thức về các vấn đề môi trường; thái độ chung về các giải pháp môi trường; nhận thức về trách nhiệm cá nhân; nhận thức về các vấn đề môi trường quốc gia; thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải; và ý thức và hành vi môi trường [4-6].



Hình 1. Mô hình nghiên cứu được đề xuất

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã vận dụng kết hợp 2 phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc tìm hiểu các cơ sở lý thuyết, các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng tham khảo ý kiến của các chuyên gia, thảo luận nhóm,

phỏng vấn thử nhằm hoàn thiện mô hình nghiên cứu và điều chỉnh thang đo sơ bộ của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu để làm cơ sở xây dựng bảng khảo sát nhằm phục vụ các bước nghiên cứu tiếp theo.

Phương pháp chọn mẫu phi xác suất được sử dụng trong nghiên cứu, cụ thể với phương pháp chọn mẫu thuận tiện và nhóm tác giả đã quyết định chọn kích thước mẫu là 320 phiếu. Sau khi phát ra 320 phiếu khảo sát tại 4 trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm tác giả đã thu về được 283 phiếu hợp lệ.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi khảo sát được đo lường dựa trên thang đo Likert gồm 5 điểm: (1) rất ít quan trọng, đến (5) rất quan trọng. Sau khi thu thập, dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS (Statistical Products for the Social Services) phiên bản 22.0.

Kết quả nghiên cứu đạt được thông qua việc thực hiện các bước sau:

*Phân tích kiểm định độ tin cậy của thang đo:* Kiểm định độ tin cậy của thang đo nhằm kiểm tra sự chặt chẽ và tương quan giữa các biến quan sát và biến tổng. Hệ số Cronbach's alpha là hệ số cho phép đánh giá xem nếu như các biến quan sát nào đó thuộc về một biến nghiên cứu (biến tiềm ẩn, nhân tố) thì nó có phù hợp không. Theo đó, nhóm nghiên cứu sẽ loại các biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ (nhỏ hơn 0,3); tiêu chuẩn chọn thang đo khi có độ tin cậy Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 (Cronbach's Alpha càng lớn thì độ tin cậy nhất quán nội tại càng cao - Nunally & Burnstein (1994) dẫn theo Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2009) [7].

*Phân tích nhân tố khám phá:* Nhóm tác giả tiến hành bước phân tích này để thực hiện đánh giá 2 giá trị quan trọng của thang đo là giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA) thuộc nhóm phân tích đa biến phụ thuộc lẫn nhau, nghĩa là không có biến phụ thuộc và biến độc lập mà nó dựa vào mối tương quan giữa các biến với nhau. EFA dùng để rút gọn một tập k biến quan sát thành một tập F ( $F < k$ ) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Cơ sở của việc rút gọn này dựa vào mối quan hệ tuyến tính của các nhân tố với các biến nguyên thủy (biến quan sát). Mỗi biến quan sát sẽ được tính một tỷ số gọi là hệ số tải nhân tố (Factor loading), hệ số này cho biết mỗi biến đo lường thuộc về nhân tố nào. Theo Hair *et al.* (2006) [8] thì:

- Hệ số KMO (Kaiser - Meyer - Olkin) phải đạt giá trị từ 0,5 trở lên ( $0,5 \leq KMO \leq 1$ ) thể hiện phân tích nhân tố là phù hợp .
- Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê ( $Sig < 0,05$ ) chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể .
- Điều kiện để phân tích nhân tố khám phá là phải thỏa mãn các yêu cầu: Hệ số tải nhân tố (Factor loading )  $> 0,5$ .
- Tổng phương sai trích (Total Varicance Explained) đạt giá trị từ 50% trở nên.
- Eigenvalue (đại diện cho phần biến thiên được giải thích bởi mỗi nhân tố)  $> 1$  thì nhân tố rút ra có ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất.

*Phân tích hồi quy bội:* Nhằm kiểm định về mô hình hồi quy để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, xác định các nhân tố chính tác động đến kết quả nghiên cứu theo thứ tự hơn kém của từng nhân tố, phân tích và giải thích ý nghĩa nghiên cứu. Phân tích hồi quy cần đảm bảo một số nguyên tắc sau:

- Kiểm tra hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh (Adjusted R Square) để xét mức độ phù hợp của mô hình [9].
- Kiểm tra các giá trị  $Sig < 0,05$  và hệ số F trong bảng ANOVA để kiểm chứng mức độ phù hợp của mô hình hồi quy với tổng thể mẫu [7].

- Đánh giá mức độ tác động mạnh hay yếu của các biến lên mức độ quan trọng thông qua các hệ số Beta ở bảng Coefficient [7].
- Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu [7].

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đánh giá độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo của các nhân tố độc lập và phụ thuộc được trình bày trong Bảng 1. Số liệu khảo sát chính thức ban đầu gồm 29 biến quan sát cho 6 nhân tố độc lập (26 biến quan sát) và 1 biến phụ thuộc (3 biến quan sát), sau khi thực hiện phân tích độ tin cậy cho tất cả các thang đo cho thấy có 27 biến quan sát đủ độ tin cậy để thực hiện các bước phân tích tiếp theo (chỉ riêng 2 biến quan sát NTMT<sub>4</sub> = 0,071 và biến NTTN<sub>4</sub> = 0,279 nhỏ hơn 0,3 không đủ độ tin cậy nên bị loại khỏi thang đo) (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha của các thang đo

Biến quan sát	Nội dung	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Hệ số Alpha nếu loại biến
<i>Nhận thức về các vấn đề môi trường: Cronbach's Alpha = 0,870</i>					
NTMT <sub>1</sub>	Không cần quan tâm đến sự sống của mình trong môi trường ô nhiễm	7,28	4,869	0,697	0,869
NTMT <sub>2</sub>	Con người đang lạm dụng các nguồn tài nguyên	6,90	4,760	0,762	0,806
NTMT <sub>3</sub>	Các nguồn năng lượng tự nhiên như mặt trời, gió, nước... không bao giờ có thể cạn kiệt	6,91	4,974	0,801	0,776
<i>Nhận thức về trách nhiệm cá nhân: Cronbach's Alpha = 0,867</i>					
NTTN <sub>1</sub>	Trách nhiệm cá nhân rất quan trọng trong việc bảo vệ môi trường	10,80	8,039	0,754	0,814
NTTN <sub>2</sub>	Nếu chúng ta không thay đổi, sự suy thoái đất sẽ tăng lên đến mức không thể hỗ trợ cho việc canh tác	10,78	7,992	0,783	0,802
NTTN <sub>3</sub>	Các vấn đề ô nhiễm môi trường sẽ gia tăng nếu chúng ta vẫn tiếp tục hoạt động như chúng ta đang làm bây giờ	10,69	8,214	0,709	0,833
NTTN <sub>5</sub>	Tôi muốn làm nhiều hơn để bảo vệ môi trường	10,73	9,248	0,626	0,864
<i>Nhận thức về các vấn đề môi trường quốc gia: Cronbach's Alpha = 0,865</i>					
NTQG <sub>1</sub>	Có rất nhiều loài thực vật và động vật ở nước ta đang ở trong tình trạng tuyệt chủng	6,93	5,077	0,740	0,814
NTQG <sub>2</sub>	Giải pháp cho các vấn đề môi trường có liên quan mật thiết đến việc nâng cao nhận thức về môi trường	6,64	5,415	0,771	0,787
NTQG <sub>3</sub>	Các vấn đề môi trường là những ưu tiên nhất cần được giải quyết	6,68	5,425	0,721	0,830
<i>Thái độ chung về các giải pháp môi trường: Cronbach's Alpha = 0,832</i>					
TDGP <sub>1</sub>	Là con người, chúng ta phải sống hòa hợp với thiên nhiên nếu chúng ta muốn tồn tại	9,33	4,362	0,749	0,752

*Khảo sát thái độ đối với các vấn đề môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh*

Biến quan sát	Nội dung	Trung bình đo nếu loại biến	Phương sai đo nếu loại biến	Trung quan biến - tổng	Hệ số Alpha nếu loại biến
TDGP <sub>2</sub>	Giải pháp tối ưu cho các vấn đề môi trường phụ thuộc vào sự thay đổi trong lối sống của chúng ta	9,28	4,186	0,675	0,780
TDGP <sub>3</sub>	Bảo vệ môi trường quan trọng hơn sự tăng trưởng kinh tế	9,24	4,355	0,626	0,803
TDGP <sub>4</sub>	Đề đối phó với bất kỳ vấn đề nào chúng ta cần phải xem xét đầu tiên là nó sẽ ảnh hưởng đến môi trường như thế nào	9,19	4,405	0,602	0,814
<i>Thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải: Cronbach's Alpha = 0,892</i>					
TSDTC <sub>1</sub>	Chúng ta nên vứt các pin, chai... đã qua sử dụng vào thùng rác thích hợp	13,30	7,580	0,804	0,853
TSDTC <sub>2</sub>	Chúng ta nên sử dụng cả hai mặt giấy trắng để hỗ trợ tái chế	13,52	8,158	0,707	0,875
TSDTC <sub>3</sub>	Có thể tuyên truyền cho mọi người về việc tái chế	13,44	8,318	0,723	0,872
TSDTC <sub>4</sub>	Tách riêng chất thải trong nhà tôi để tái chế	13,08	8,146	0,651	0,889
TSDTC <sub>5</sub>	Khi rời khỏi phòng nên tắt các thiết bị điện không cần thiết để góp phần tiết kiệm năng lượng	13,36	7,629	0,806	0,853
<i>Ý thức và hành vi môi trường: Cronbach's Alpha = 0,868</i>					
YTHV <sub>1</sub>	Vấn đề lãng phí nước khi sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày	14,94	8,429	0,657	0,849
YTHV <sub>2</sub>	Thích các sản phẩm không gây hại cho môi trường ngay cả khi chúng đắt hơn	14,85	7,971	0,672	0,846
YTHV <sub>3</sub>	Làm việc như là một tình nguyện viên trong các dự án liên quan đến môi trường	14,94	8,262	0,663	0,848
YTHV <sub>4</sub>	Cần thêm nhiều khóa học (diễn đàn) về môi trường ở trường học để hiểu biết các vấn đề môi trường nhiều hơn	14,51	7,932	0,693	0,840
YTHV <sub>5</sub>	Muốn đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường	14,73	7,523	0,777	0,819
<i>Thái độ môi trường: Cronbach's Alpha = 0,834</i>					
TDMT <sub>1</sub>	Mua sản phẩm với giá cao hơn 20% nếu việc đó giúp bảo vệ môi trường	6,37	2,390	0,679	0,788
TDMT <sub>2</sub>	Các vấn đề môi trường hiện nay không thể phớt lờ	6,68	2,267	0,740	0,725
TDMT <sub>3</sub>	Chính phủ cần quan tâm bảo vệ môi trường nhiều hơn	6,60	2,688	0,674	0,793

### 3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích EFA được trình bày trong Bảng 2 cho thấy rằng có 23 biến quan sát được rút trích thành 5 nhân tố, trong đó:

- Hệ số  $0,5 < KMO = 0,850 < 1$  (Bảng 2) ở mức ý nghĩa Sig (kiểm định Bartlett) =  $0,000 < 0,5$ , điều này cho thấy việc phân tích nhân tố khám phá của các nhân tố hoàn toàn phù hợp, đáng tin cậy và có ý nghĩa. Điều này cho thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.

- Kết quả phân tích (Bảng 3) cũng cho thấy tất cả các nhân tố đều có giá trị Eigenvalues > 1, phương sai trích bằng 71,581% > 50% là đạt yêu cầu. Với phương pháp rút trích phân tích thành phần chính và phép xoay Varimax, có 5 nhân tố được rút trích ra từ 24 biến quan sát, điều này cho thấy 5 nhân tố rút trích ra đã giải thích được 71,581% sự thay đổi của biến phụ thuộc trong tổng thể quan sát/dữ liệu.

Bảng 2. Chỉ số KMO và kiểm định Bartlett đối với thang đo của các biến độc lập

Chỉ số KMO và kiểm định Bartlett		
Chỉ số KMO		0,850
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	4025,748
	Df	253
	Sig	0,000

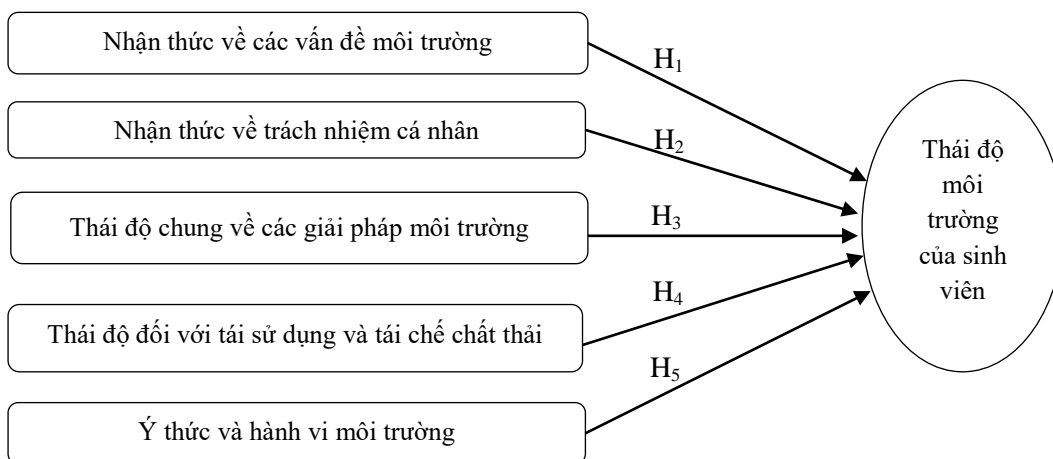
Bảng 3. Ma trận nhân tố đã xoay khi phân tích EFA - lần 2

Thang đo	Ký hiệu biến quan sát	Nhân tố được rút trích				
		1	2	3	4	5
Nhận thức về các vấn đề môi trường	NTQG <sub>3</sub>	0,870				
	NTQG <sub>2</sub>	0,864				
	NTMT <sub>2</sub>	0,861				
	NTMT <sub>3</sub>	0,839				
	NTMT <sub>1</sub>	0,823				
	NTQG <sub>1</sub>	0,776				
Thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải	TSDTC <sub>1</sub>		0,877			
	TSDTC <sub>5</sub>		0,847			
	TSDTC <sub>2</sub>		0,776			
	TSDTC <sub>3</sub>		0,771			
	TSDTC <sub>4</sub>		0,706			
Ý thức và hành vi môi trường	YTHV <sub>5</sub>			0,866		
	YTHV <sub>4</sub>			0,810		
	YTHV <sub>2</sub>			0,787		
	YTHV <sub>3</sub>			0,765		
	YTHV <sub>1</sub>			0,756		
Thái độ chung về các giải pháp môi trường	TDGP <sub>1</sub>				0,861	
	TDGP <sub>2</sub>				0,819	
	TDGP <sub>3</sub>				0,775	
	TDGP <sub>4</sub>				0,725	
Nhận thức về trách nhiệm cá nhân	NTTN <sub>1</sub>					0,878
	NTTN <sub>2</sub>					0,857
	NTTN <sub>3</sub>					0,824
Phương sai trích (%)						71,581
Eigenvalues		6,770	3,618	2,292	2,019	1,764

Sau khi phân tích nhân tố khám phá EFA thì mô hình khảo sát có sự thay đổi (6 nhân tố được đề xuất ban đầu được rút trích thành 5 nhân tố) và có 1 biến bị loại do tất cả các giá trị hệ số tải nhân tố (Factor loading) đều thỏa mãn điều kiện nhỏ hơn 0,5. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA cho 3 biến quan sát của biến phụ thuộc được gom thành 1 nhân tố, với hệ số mức độ phù hợp của mô hình phân tích nhân tố  $KMO = 0,715 > 0,5$  nên phân tích nhân tố hoàn toàn phù hợp, đáng tin cậy và Sig. (Bartlett's Test of Sphericity) = 0,000 (sig. < 0,05) chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau xét trên phạm vi tổng thể.

### 3.3. Phân tích hồi quy

Kết quả chạy mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, trong đó thái độ môi trường của sinh viên là biến phụ thuộc; còn lại 5 biến độc lập (Nhận thức về các vấn đề môi trường, nhận thức về trách nhiệm cá nhân, thái độ chung về các giải pháp môi trường, thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải, ý thức và hành vi môi trường) cho thấy: hệ số tương quan R (0,775) đã được chứng minh là hàm không giảm theo số nhân tố độc lập được đưa vào mô hình (5 biến).  $R^2 = 0,601$  đã thể hiện thực tế của mô hình. Hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh từ  $R^2$  được sử dụng để phản ánh sát hơn mức độ phù hợp của mô hình hồi quy đa biến (0,594), vì nó không phụ thuộc vào độ lệch phóng đại của  $R^2$ . Như vậy, với  $R^2$  điều chỉnh là 0,594 cho thấy sự tương thích của mô hình với biến quan sát là rất lớn và nhân tố phụ thuộc thái độ môi trường của sinh viên gần như hoàn toàn được giải thích bởi 5 nhân tố độc lập trong mô hình, ngoài ra kết quả phân tích hồi quy cũng thấy giá trị của Sig. = 0,00 < 0,05, ta có thể kết luận phương trình hồi quy được đưa ra là phù hợp với cả mẫu và tổng thể nghiên cứu. Từ bảng tóm tắt kết quả chạy hồi quy cho thấy có 5 nhân tố tác động được đưa vào mô hình phân tích hồi quy, các biến đều có quan hệ tuyến tính với nhân tố thái độ môi trường của sinh viên có các Sig nhỏ hơn 5%.



Hình 2. Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh

Bảng 4. Tóm tắt kết quả chạy hồi quy

Mô hình	Hệ số R	Hệ số $R^2$	Hệ số $R^2$ Hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Thống kê thay đổi			
					Hệ số F khi đổi	Bậc tự do 1	Bậc tự do 2	Hệ số Sig. F sau thay đổi
1	0,775	0,601	0,594	0,47931	83,358	5	277	0

a. Predictors: (Constant), NTMT, NTTN, TDGP, TSDTC, YTHV.

Từ kết quả thống kê trong mô hình hồi quy, phương trình hồi quy chuẩn hoá tuyến tính đa biến các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

$$\text{Thái độ môi trường của sinh viên} = 0,283* \text{NTMT} + 0,272*\text{NTTN} + 0,214*\text{TDGP} + 0,229*\text{TSDTC} + 0,235*\text{YTHV}$$

Trong đó:

NTMT: Nhận thức về các vấn đề môi trường

NTTN: Nhận thức về trách nhiệm cá nhân

TDGP: Thái độ chung về các giải pháp môi trường

TSDTC: Thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải

YTHV: Ý thức và hành vi môi trường.

Sử dụng phương pháp loại dần bằng cách đưa cùng lúc tất cả các biến vào phân tích [9], các thông số thống kê như sau:

Bảng 5. Thông số thống kê trong mô hình hồi quy bằng phương pháp loại dần

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Giá trị Sig	Thống kê đa cộng tuyến (Collinearity Statistics)		
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai	
1	(hằng số)	-0,641	0,210		-3,048	0,003		
	NTMT	0,202	0,030	0,283	6,732	0,000	0,818	1,222
	NTTN	0,201	0,031	0,272	6,509	0,000	0,828	1,208
	TDGP	0,238	0,046	0,214	5,227	0,000	0,861	1,162
	TSDTC	0,248	0,048	0,229	5,127	0,000	0,719	1,390
	YTHV	0,254	0,043	0,235	5,845	0,000	0,888	1,126

### 3.4. Phân tích phương sai ANOVA

Trong các giả thuyết được xây dựng lại sau quá trình phân tích EFA, 9 giả thuyết nghiên cứu đề xuất thì có 7 giả thuyết được chấp nhận và 2 giả thuyết bị bác bỏ (giả thuyết H<sub>6</sub>, H<sub>8</sub>). Kết quả nghiên cứu cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Sibel Ozsoy (2012); Ilker Ugulu *et al.* (2013) Nergiz Koruoglu *et al.* (2015); Darina Peycheva *et al.* (2013); Tikka *et al.* (2000) và Karpiack & Baril (2008) [4-6, 10-12].

Bảng 6. Tổng hợp kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Ký hiệu	Nội dung giả thuyết	Kết quả
H <sub>1</sub>	Nhận thức về các vấn đề môi trường có quan hệ cùng chiều với thái độ môi trường của sinh viên.	Chấp nhận
H <sub>2</sub>	Nhận thức về trách nhiệm cá nhân có quan hệ cùng chiều với thái độ môi trường của sinh viên.	Chấp nhận
H <sub>3</sub>	Thái độ chung về các giải pháp môi trường có quan hệ cùng chiều với thái độ môi trường của sinh viên.	Chấp nhận
H <sub>4</sub>	Thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải có quan hệ cùng chiều với thái độ môi trường của sinh viên.	Chấp nhận



Ký hiệu	Nội dung giả thuyết	Kết quả
H <sub>5</sub>	Ý thức và hành vi môi trường có quan hệ cùng chiều với thái độ môi trường của sinh viên.	Chấp nhận
H <sub>6</sub>	Không có sự khác biệt về thái độ môi trường của sinh viên phân theo giới tính.	Bác bỏ
H <sub>7</sub>	Không có sự khác biệt về thái độ môi trường của sinh viên phân theo năm học.	Chấp nhận
H <sub>8</sub>	Không có sự khác biệt về thái độ môi trường của sinh viên phân theo khối ngành học.	Bác bỏ
H <sub>9</sub>	Không có sự khác biệt về thái độ môi trường của sinh viên phân theo trường học.	Chấp nhận

Theo kết quả nghiên cứu, trong phương trình hồi quy cho thấy nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất là Nhận thức về các vấn đề môi trường, thứ 2 là nhân tố nhận thức về trách nhiệm cá nhân, thứ 3 là nhân tố ý thức và hành vi môi trường, thứ 4 là nhân tố thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải và cuối cùng là nhân tố thái độ chung về các giải pháp môi trường. Như vậy, muốn nâng cao thái độ môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm tác giả đề xuất một số gợi ý sau để các nhà quản lý môi trường có thể xem xét và thực hiện:

- Các nhà quản lý môi trường cần phối hợp chặt chẽ với các nhà quản lý giáo dục, các cơ quan truyền thông để đưa ra những chương trình cụ thể nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên vừa tiết kiệm, hiệu quả và giảm thiểu tới mức thấp nhất những tác hại không tốt cho môi trường sống.
- Khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường ở địa phương và ở nơi mình hoạt động như: tham gia trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, mở rộng diện tích rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, giữ gìn, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, tham gia vệ sinh môi trường và thực hiện các quy định về vệ sinh công cộng.
- Thực hiện tốt các chương trình tuyên truyền và giáo dục đối với sinh viên trong việc bảo vệ môi trường để sinh viên thấy được tầm quan trọng của các giải pháp đối với vấn đề môi trường, qua đó có những hành động cụ thể hơn trong việc bảo vệ tốt môi trường trong tương lai.
- Tại các trường đại học cần hình thành, phát triển và rèn luyện ý thức và hành vi môi trường cho tất cả các sinh viên, từ đó hình thành nên thói quen và thái độ đúng đắn hơn trong việc bảo vệ môi trường của sinh viên trong cuộc sống hàng ngày. Hiệu quả của công tác giáo dục môi trường tại nhà trường muốn bền vững thì phải hình thành được cho sinh viên có những thói quen tốt, những kỹ năng sống thân thiện với môi trường. Một số gợi ý có thể kể đến như: rèn luyện cho sinh viên có thói quen phân loại rác (rác tái chế và rác không thể tái chế; rác thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại), bỏ rác vào thùng nơi quy định của nhà trường, tiết kiệm điện, nước.
- Nhà trường cần phối hợp với các cơ quan quản lý môi trường thường xuyên tổ chức tuyên truyền bảo vệ môi trường, xây dựng biển báo, pano, áp phích về môi trường; tổ chức lồng ghép vấn đề môi trường vào các sự kiện văn nghệ, thể thao, triển lãm ảnh, hội thi, thành lập câu lạc bộ về môi trường, đội tuyên truyền, diễn đàn về môi trường.

#### 4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thái độ môi trường của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi 5 yếu tố với mức độ ảnh hưởng được xếp theo thứ tự như sau: (1) Nhận thức về các vấn đề môi trường; (2) Nhận thức về trách nhiệm cá nhân; (3) Ý thức và hành vi môi trường; (4) Thái độ đối với phục hồi và tái chế; và (5) Thái độ chung về các giải pháp môi trường.

Kết quả nghiên cứu đã góp phần chứng minh sự phù hợp của mô hình lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh với 7 giả thuyết được chấp thuận. Về mặt ý nghĩa thực tiễn, nghiên cứu sẽ giúp cho các nhà quản lý môi trường có một cái nhìn tổng thể, toàn diện hơn về thái độ môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung để từ đó có thể đưa ra những chương trình, chính sách cụ thể hơn nhằm nâng cao thái độ môi trường của sinh viên qua đó góp phần vào việc cải thiện tốt hơn các vấn đề môi trường hiện nay.

Kết quả nghiên cứu cũng đặt nền móng cho những chương trình, chính sách giáo dục thái độ môi trường cho sinh viên, học sinh các cấp nhằm từng bước cải thiện chất lượng môi trường qua đó góp phần tạo nên một môi trường sống sạch và thân thiện hơn trong tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Hội nghị sơ kết công tác truyền thông về bảo vệ môi trường (BVMT) và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2017 – 2020 (2018).
2. Holahan C.J. - Environmental Psychology, New York: Random House (1982) 25-28.
3. Zelezny L.C., Schultz P.W. - Promoting Environmentalism, Journal of Social Issues **56** (3) (2000) 365-371.
4. Ilker Ugulu, Mehmet Sahin & Suleyman Baslar - High school students' environmental attitude: scale development and validation, International Journal of Educational Sciences **5** (4) (2013) 415-424.
5. Nergiz Koruoglu, Ilker Ugulu, Nurettin Yorek - Investigation of high school students' environmental attitudes in terms of some demographic variables, Psychology **6** (13) (2015) 1608-1623.
6. Sibel Özsoy - A survey of Turkish pre-service science teachers' attitudes toward the environment, Eurasian Journal of Educational Research **12** (64) (2012) 121-140.
7. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang - Nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Thống kê, TP.HCM (2009).
8. Hair J.F., Black W.C., Babin B.J., Anderson R.E. - Multivariate data analysis (7th edition), Prentice Hall, Upper Saddle River (2009).
9. Nguyễn Đình Thọ - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội (2011).
10. Darina Peycheva, Jana Pötzschke, Theron Delano Hall, Hans Rattinger - Attitudes towards environmental issues: Empirical evidence in Europe and the United States, Roma: Istituto affari internazionali **31** (2014) 12-43.
11. Tikka P.M., Kuitunen M.T. and Tynys S.M. - Effects of educational background on students' attitudes, activity levels, and knowledge concerning the environment, Journal of Environmental Education **31** (3) (2000) 12-19.
12. Karpiak C.P., Baril G.L. - Moral reasoning and concern for the environment, Journal of Environmental Psychology **28** (3) (2008) 203-208.

**ABSTRACT**

INVESTIGATION OF STUDENTS' ATTITUDES  
TO ENVIRONMENTAL ISSUES IN HO CHI MINH CITY

Vo Anh Kiet<sup>1,\*</sup>, Pham Thi Thanh Trang<sup>1</sup>,  
Tran Quang Binh<sup>2</sup>, Tran Dinh Quan<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Industrial University of Ho Chi Minh City*

<sup>2</sup>*Ho Chi Minh City University of Food Industry*

\*Email: voanhkiet81@gmail.com

Environmental education is one of the solutions contributing to environmental protection. In order to attain high efficiency in environmental education for students, it is necessary to consider and evaluate the environmental attitudes of this age so that we give specific measures to equip basic knowledge in environmental protection for those students. The study was conducted through qualitative and quantitative methods and analysed data using SPSS 22.0. The results showed that there are 5 factors affecting the environmental attitudes for students in Ho Chi Minh City, including: awareness of environmental issues, awareness of personal responsibility, environmental awareness and behavior, attitudes towards waste reuse and recycling, general attitude about environmental solutions. From the research results, the authors have proposed 5 management implications to improve environmental attitudes for students in Ho Chi Minh City.

*Keywords:* Awareness, environmental attitude, student, university.